TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2025/HC-PT
Ngày: 28-5-2025
V/v:"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**
Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**
Ông **Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thắng -** Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 64/2025/TLPT-HC ngày 13/01/2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2024/HC-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1264/2025/QĐ-PT ngày 5 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Ngô Minh S, sinh năm 1961; Địa chỉ: Xóm B, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Tấn X, sinh năm 1982; Địa chỉ liên hệ: Thôn F, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tưởng D - Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Quang T – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn X1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị H, sinh năm: 1965.

3. Chị Tiêu Thị Trà M, sinh năm: 1984.

4. Anh Ngô Minh T1, sinh năm: 1993.

5. Chị Phan Thị Lệ M1, sinh năm: 1995.

6. Anh Ngô Minh Â, sinh năm: 1998.

Cùng địa chỉ: Xóm B, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, đều vắng mặt.

7. Ông Tống Ngọc H1, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Khu dân cư B, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

8. Ông Nguyễn L, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Xóm B, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà người khởi kiện trình bày:

Vào ngày 10/7/1997, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định đầu tư Dự án: Nhà máy L1 D, theo đó Ban đền bù giải tỏa huyện B (tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường) được giao nhiệm vụ kiểm kê, kiểm điểm đất đai, nhà cửa và tài sản khác của tổ chức và hộ gia đình cá nhân trúng vào quy hoạch xây dựng nhà máy lọc dầu, trong đó có hộ gia đình ông Ngô Minh S, lẽ ra UBND huyện B là cơ quan lập phương án bồi thường và áp giá chi tiết cho từng hộ gia đình, để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và chi trả tiền cho người dân, nhưng không hiểu lý do vì sao, mà UBND huyện B lại không thực hiện bước tiếp theo này, mà chỉ thực hiện mỗi việc kiểm kê đất đai, nhà cửa và tài sản khác thôi thì dừng.

Còn việc thực hiện áp giá chi tiết thành tiền của từng hộ gia đình, để trình Tổng Công ty D2 phê duyệt kinh phí đền bù, cũng như trình phương án đền bù đến UBND tỉnh Q phê duyệt, là do Ban Quản lý dự án (BQLDA) nhà máy L1

thực hiện, BQLDA là do Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu mỏ lập ra, là chủ đầu tư dự án, là doanh nghiệp, chức năng là để giám sát việc thực hiện lập hồ sơ đền bù của Ban đền bù huyện B, nhưng không hiểu vì sao Ban quản lý lại làm luôn chức năng nhiệm vụ của Ban đền bù huyện B, lập áp giá chi tiết đền bù cho từng hộ gia đình, cá nhân trúng trong dự án.

Để thực hiện việc này, Ban Quản lý dự án nhà máy lọc dầu (B1) số 1, thuê thêm những người là cán bộ làm trong hợp tác xã nông nghiệp xã B, làm việc từ tháng 9 đến tháng 10 năm 1997, thực hiện việc rà soát, kiểm tra, đối chiếu diện tích đất đã kiểm kê với bản đồ dự án cho khỏi trùng lặp, ra số liệu chi tiết về đất và tài sản rồi chuyển qua cho cán bộ BQLDA áp giá đến cho từng hộ.

Đồng thời đối với đất ngoài nhà máy của các hộ có nhà ở trúng trong nhà máy thì cũng kiểm tra, rà soát kết quả kiểm kê so với bản đồ 299/TTg là thuộc thửa đất nào? Xác định cho chính xác nhằm mục đích ghi nhận quyền sử dụng đất còn lại của những hộ phải đi tái định cư tại xã B, để sau này không xảy ra tranh chấp với những hộ còn ở lại xã B, chứ đất ngoài phạm vi xây dựng nhà máy lọc dầu không có đo đạc bản đồ dự án, không thuộc diện thu hồi, đền bù.

Gia đình ông Ngô Minh S nguyên trước đây khi thực hiện nghị quyết số: 10-NQ/TW của Bộ ra ngày 5/4/1988 hay còn gọi là Khoán 10, được Hợp tác xã nông nghiệp xã B giao khoán ruộng, đất vào năm 1991 để sản xuất nông nghiệp và nộp sản lượng cho Hợp tác xã, đến năm 1995 khi thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, thì UBND xã B đưa diện tích đất ông Ngô Minh S đang sử dụng vào cân đối giao cho hộ gia đình cá nhân, sau đó tiếp tục giao các thửa ruộng ông đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp với mục đích lâu dài và ông S sử dụng ổn định từ năm 1995 đến năm 2015, trong khoảng thời gian này thì UBND huyện B chưa có ban hành Quyết định thu hồi lại quyền sử dụng đất của ông, cũng như chưa có Quyết định bồi thường đối với các thửa ruộng nêu trên, nghĩa là nhà nước chưa chấm dứt quyền sử dụng đất của ông, quyền sử dụng đất của ông vẫn còn nguyên.

Thời điểm thực hiện đền bù, BQLDA lập một hộ gia đình là 02 bản áp giá, với hai nội dung khác. Năm 1997, họp dân thì nói rằng đất ở của hộ gia đình có nhà ở trước ngày 18/12/1980 (trên bản đồ 299 thể hiện loại đất thổ cư T) thì được đền bù hết diện tích thửa đất theo giá đất ở, còn đất có nhà ở sau năm 1980 thì được đền bù 400m2 giá đất ở, diện tích còn lại trong thửa đất là đền bù giá đất nông nghiệp, nhưng sản phẩm BQLDA làm ra, công bố cho từng hộ gia đình cá nhân thì khác hoàn toàn, áp giá thửa đất có nhà ở trước năm 1980 chỉ có 500m2 là giá đất hạn 3 của giá đất trồng lúa 21.000/1m2, diện tích còn lại của thửa đất là áp giá hạng 5 giá đất trồng lúa 5.100/1m2, chứ không áp giá theo giá đất ở tại thời

điểm đó, thời điểm năm 1997 thì đất nông nghiệp mới phân hạng đất để tính thuế, còn đất ở không có phân hạn, còn đất mà người dân trồng cây lâu năm (cây bạch đàn, dương liễu) là họ không đền bù, đất mà người dân sử dụng không có nộp thuế cũng không đền bù.

Dẫn đến phương án đền bù được phê duyệt như vậy, tại Quyết định số 2289/QĐ-UB ngày 11/8/1997 của UBND tỉnh Q, giá đền bù cho 349 hộ dân thuộc diện phải di dời đi tái định cư tại xã B quá thấp, có đến 135 hộ có tổng số tiền đền bù không đủ để họ làm lại căn nhà cấp 4, diện tích 40m2 để ở, nên người dân không chịu tháo dỡ nhà cửa để đi tái định cư ở B, người dân yêu cầu hỗ trợ thêm mới chịu đi tái định cư.

Thay vì BQLDA NMLD số 1 hỗ trợ thêm cho mỗi hộ để họ có thêm kinh phí đi tái định cư, nhưng họ lại không làm như vậy, ngược lại áp giá luôn phần diện tích đất ngoài nhà máy lọc dầu của những hộ dân có nhà trúng trong nhà máy và chi trả tiền hỗ trợ cho người dân, các thửa đất nằm ngoài nhà máy năm 1997 không thuộc diện thu hồi, đền bù vì không có xây dựng công trình gì trên đất. Phần diện tích đất ngoài nhà máy không có lập phương án đền bù, không có trình UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện B cũng không có ban hành quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, nên người dân vẫn sử dụng bình thường đến ngày hôm nay.

Năm 1998, Ban QLDA NMLD chỉ áp giá chi tiết cho từng hộ và chi trả tiền hỗ trợ vào ngày 26, 27 tháng 6 năm 1998, khi người dân nhận số tiền hỗ trợ thêm này, và di chuyển đi tái định cư tại xã B, nhường đất đai để xây dựng Nhà máy Lọc dầu như ngày hôm nay. Đến năm 2010, NMLD mở rộng làm 02 bể chứa dầu thô, thì UBND huyện B cho rằng diện tích đất mà người dân đang sử dụng trúng vào dự án, đã được thu hồi đất, bồi thường năm 1998 rồi và chỉ bồi thường diện tích đất đo đạc lại trên từng thửa có tăng lên thì trả tiền, số diện tích đất lên đó.

Tiếp đến năm 2015, Công ty cổ phần L2 mở rộng, nâng cấp Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất, thì UBND huyện B cũng lại cho rằng số diện tích đất mà người dân đang sử dụng đã được BQLDA NMLD bồi thường năm 1998 rồi, bây giờ không bồi thường nữa.

Về quyết định số 4375/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 và Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện B là do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B gửi kèm với công văn số 288/PTQĐ ngày 11/5/2023 để trả lời nội dung yêu cầu của ông Ngô Minh S, nên ông mới biết được; và ông mới khởi kiện đến Tòa án, chứ năm 2015 UBND các cấp không có giao cho ông các quyết định trên.

Đối với thửa đất Công Điền, số thửa 214/604m2 tờ bản đồ số 44 (bản đồ 2007), thửa này trước đây UBND huyện B không lập thủ tục hồ sơ thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ cho ông, thửa này không trúng trong dự án, nhưng lại trúng vào đường dân sinh dọc theo biên dự án dẫn đến làm đường sẽ mất đi hiện trạng ban đầu của đất nên ông không canh tác sản xuất được ảnh hưởng đến đời sống cả gia đình ông, thì UBND huyện B cũng phải lập thủ tục hồ sơ thu hồi đất bồi thường hỗ trợ cho ông; tuy nhiên UBND huyện B cho rằng thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44, diện tích 604m2, loại đất lúa, do ông Ngô Minh T1 kê khai, có nguồn gốc là ông T1 được giao theo Nghị định 64/CP vào năm 1998 và cho rằng đã bồi thường ngoài nhà máy lọc dầu năm 1998 cho ông Ngô Minh T1 550m2 rồi, nên năm 2017 lập hồ sơ thu hồi, bồi thường 54m2 cho ông Ngô Minh T1 để thực hiện dự án đường dân sinh vị trí số 4.

UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất số 39/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Ngô Minh T1 ở xã B và ban hành quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh T1 (vợ Phan Thị Lệ M1). Thửa 214, tờ bản đồ số 44, diện tích 604m2, loại đất lúa (LUC), là ông nhận khoán của Hợp tác xã Nông nghiệp xã B vào năm 1991 theo diện Khoán 10, sau đó khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ thì UBND xã B cân đối và tiếp tục giao cho ông vào năm 1995 sử dụng cho đến nay. Vì vậy, UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đất số 39/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Ngô Minh T1 ở xã B; quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND huyện B, bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh T1 (vợ Phan Thị Lệ M1) xã B, huyện B là hoàn toàn không đúng pháp luật. Các quyết định này là sai đối tượng, không đúng số diện tích thửa đất mà ông đang sử dụng trúng dự án đủ điều kiện được bồi thường, về trình tự, thủ tục hồ sơ để ban hành các quyết định không đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Do đó, ông Ngô Minh S yêu cầu khởi kiện Tòa án giải quyết:

- Hủy quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện B, về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Ngô Minh S và bà Lê Thị H, ở xã B.

- Hủy Quyết định số 4375/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND huyện B, về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh S (vợ Lê Thị H) xã B, huyện B.

- Hủy quyết định thu hồi đất số 39/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Ngô Minh T1 ở xã B.

- Hủy quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh T1 (vợ Phan Thị Lệ M1) xã B, huyện B.

- Buộc UBND huyện B phải thực hiện lập thủ tục hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông Ngô Minh S theo quy định pháp luật, đối với thửa Đồng Giá Dưới số thửa 182/482m2, thửa Công Điền số thửa 214/604m2 thuộc tờ bản đồ số 44, bản đồ 2007 xã B

*Tại Văn bản số 4177/UBND ngày 06/11/2023, Văn bản số 1158/UBND ngày 17/4/2024, người bị kiện UBND huyện B trình bày:

- Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44, xã B:

+ Theo bản đồ địa chính năm 2001: Thuộc thửa đất số 858, tờ bàn đồ số 16, diện tích 496m2, loại đất 2L, quy chủ cho ông Nguyễn L.

+ Theo bản đồ địa chính năm 2007: Thuộc thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44. diện tích 482m2, loại đất LUC, quy chủ cho ông Tống Ngọc H1.

+ Theo bản đồ địa chính năm 2015: Vị trí thửa đất nằm trong diện tích đường dân sinh vị trí 4 Thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ TĐC phục vụ Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 mở rộng và một phần diện tích nằm trong mặt bằng mở rộng nhà máy L1 đã bồi thường cho hộ ông Ngô Minh S và bà Lê Thị H.

-Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44, xã B:

+ Theo bản đồ địa chính năm 2001: Thuộc thửa đất số 903, tờ bản đồ số 16, diện tích 629m2, loại đất 2L, quy chủ cho ông Ngô S.

+ Theo bản đồ địa chính năm 2007: Thuộc thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44, diện tích 604m2, loại đất LUC, quy chủ cho UBND xã.

+ Theo bản đồ địa chính năm 2015: Vị trí thửa đất nằm trong diện tích đường dân sinh vị trí 4, thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 mở rộng được bồi thường cho hộ ông Ngô Minh T1.

Kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường:

- Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44, xã B:

Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44, diện tích 482m2, loại đất LUC, do ông Ngô Minh S và bà Lê Thị H kê khai, thửa đất có nguồn gốc: Đất giao theo Nghị định 64/CP vào năm 1998.

Theo kết quả bồi thường ngoài mặt bằng Nhà máy L1 thì thửa đất tại xứ đồng: Đ Dưới (tức thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44, diện tích 482m2, bản đồ Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 20/7/2015) đã được kiểm kê, bồi thường ngoài Nhà máy lọc dầu cho ông Ngô Minh S với diện tích 384m2 (thửa 279, tờ bản đồ số 4, Bản đồ 299/TTg). Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 5378/UBND-CNXD ngày 20/10/2015 về việc giải quyết đất nông nghiệp đã bồi thường ngoài Nhà máy L1 năm 1997, 1998 (cho phép tính bồi thường phần diện tích tăng sau khi khấu trừ phần diện tích đã bồi thường).

Theo đó, phần diện tích tăng 98m2 (482m2 - 384m2) thuộc thửa số 182, tờ bản đồ số 44 được UBND xã B xác lập hồ sơ tính bồi thường cho hộ ông Ngô Minh S và bà Lê Thị H. Giá trị bồi thường, hỗ trợ phần diện tích tăng tại thửa đất 182/482m2, tờ bản đồ số 44 nằm trong quy hoạch dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 (vị trí 04, xã B) nêu trên cho hộ ông Ngô Minh S đã được UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất số 1824/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 về thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Ngô Minh S và bà Lê Thị H, ở xã B và ban hành Quyết định số 4375/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh S (vợ Lê Thị H), xã B và hộ ông Ngô Minh S (vợ Lê Thị H) đã nhận xong tiền ngày 13/01/2016 và bàn giao mặt bằng vào ngày 25/01/2016.

Công tác kiểm kê, xác lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 được thực hiện theo đúng quy định trên cơ sở thông báo thu hồi đất của UBND huyện B tại Thông báo số 23/TB-UBND ngày 22/01/2015, chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 5378/UBND-CNXD ngày 20/10/2015 về việc giải quyết đất nông nghiệp đã bồi thường ngoài Nhà máy L1 năm 1997, 1998.

-Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44, xã B:

Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44, diện tích 604m2, loại đất LUC, do hộ ông Ngô Minh T1 kê khai, thửa đất có nguồn gốc: Đất giao theo Nghị định 64/CP vào năm 1998.

Theo kết quả bồi thường ngoài mặt bằng Nhà máy L1 thì thửa đất tại xứ đồng: Công Điền (tức thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44, diện tích 604m2, bản đồ Dự án tuyến đường dân sinh vị trí số D, xã B thuộc tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 27/9/2016) đã được kiểm kê, bồi thường ngoài Nhà máy lọc dầu cho ông Ngô Minh T1 với diện tích 550m2. Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 5378/UBND-CNXD ngày 20/10/2015 về việc giải quyết đất nông nghiệp đã bồi thường ngoài Nhà máy L1 năm 1997, 1998 (cho

phép tính bồi thường phần diện tích tăng sau khi khấu trừ phần diện tích đã bồi thường).

Theo đó, phần diện tích tăng 54m2 (604m2 - 550m2) thuộc thửa số 214, tờ bản đồ số 44 được UBND xã B xác lập hồ sơ tính bồi thường cho hộ ông Ngô Minh T1. Giá trị bồi thường, hỗ trợ phần diện tích tăng tại thửa đất 214/604m2, tờ bản đồ số 44 nằm trong quy hoạch Dự án Tuyến đường dân sinh vị trí số D, xã B thuộc tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 nêu trên cho ông Ngô Minh T1 đã được UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất số 39/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 về thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Ngô Minh T1, ở xã B và ban hành Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh T1 (vợ Phan Thị Lệ M1), xã B và hộ ông Ngô Minh T1 (vợ Phan Thị Lệ M1) đã nhận xong tiền ngày 07/4/2017.

Công tác kiểm kê, xác lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 được thực hiện theo đúng quy định trên cơ sở thông báo thu hồi đất của UBND huyện B tại Thông báo số 1494/TB-UBND ngày 25/11/2016, chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 5378/UBND-CNXD ngày 20/10/2015 về việc giải quyết đất nông nghiệp đã bồi thường ngoài Nhà máy L1 năm 1997, 1998.

Về thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ năm 1997, 1998 tại dự án Nhà máy L1, tại thời điểm này việc thực hiện kiểm kê, áp giá bồi thường do Ban quản lý dự án Nhà máy Lọc dầu thực hiện và lưu trữ hồ sơ, cơ quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là Sở Tài chính tỉnh Q; cơ quan phê duyệt phương án là UBND tỉnh Q.

Về xác định diện tích đất đã thu hồi năm 1997, 1998 qua thẩm định bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q đã thẩm định bản đồ thực hiện dự án, xác định diện tích đã thu hồi.

* Tại Văn bản số 331/UBND ngày 02/10/2023, văn bản số 122/UBND ngày 19/4/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã B trình bày:

Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44, xã B:

-Theo bản đồ địa chính năm 2001: Thuộc thửa đất số 858, tờ bản đồ số 16, diện tích 496m2, loại đất 2L, quy chủ cho ông Nguyễn L.

-Theo bản đồ địa chính năm 2007: Thuộc thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44. diện tích 482m2, loại đất LUC, quy chủ cho ông Tống Ngọc H1.

-Theo bản đồ địa chính năm 2015: Vị trí thửa đất nằm trong diện tích đường dân sinh vị trí 4 Thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ TĐC phục vụ Dự án nâng

cấp, mở rộng Nhà máy L1 mở rộng (Thuộc thửa 467, tờ 44, loại đất DGT) và một phần diện tích nằm trong mặt bằng mở rộng nhà máy L1 đã bồi thường cho hộ ông Ngô Minh S và bà Lê Thị H (Thửa đất số 554, tờ 44, loại đất SKK).

Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44, xã B:

-Theo bản đồ địa chính năm 2001: Thuộc thửa đất số 903, tờ bản đồ số 16, diện tích 629m2, loại đất 2L, quy chủ cho ông Ngô S.

-Theo bản đồ địa chính năm 2007: Thuộc thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44, diện tích 604m2, loại đất LUC, quy chủ cho UBND xã.

- Theo bản đồ địa chính năm 2015: Vị trí thửa đất nằm trong diện tích đường dân sinh vị trí 4, thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 mở rộng được bồi thường (Thuộc thửa 467, tờ 44, loại đất DGT) và một phần diện tích nằm trong mặt bằng mở rộng nhà máy L1 đã bồi thường (Thửa đất số 554, tờ 44, loại đất SKK).

Đối với hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất trên đã thực hiện một số dự án trước đây nhưng hồ sơ lưu trữ tại UBND xã bị thất lạc.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:

Năm 2015 ai hay tin đất mình đang sử dụng trúng vào dự án thì kê khai còn ai không hay biết đất trúng dự án, thì không kê khai, nên hiện nay có rất nhiều người ở cùng xóm với bà có đất đang sử dụng trúng dự án: Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất từ năm 2015 rồi mà họ không biết, mà dự án cũng không có triển khai sang lấp mặt bằng triển khai xây dựng, còn nguyên hiện trạng, chứ sang lấp mặt bằng là họ biết ngay, họ ngăn cản.

Bởi vì UBND huyện B không có ra thông báo thu hồi đất gửi đến họ và thực hiện việc đo đạc thửa đất theo hiện trạng trúng dự án, để kiểm kê đất đai rồi ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường đối với phần đất trúng dự án. Hiện nay bà được biết là UBND tỉnh Q đã có quyết định giao đất cho Ban Q1 và B2 cũng đã bàn giao đất cho Công ty cổ phần L2, trong khi UBND huyện B là cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ, ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình cá nhân có đất đang sử dụng trúng vào dự án, lại không thực hiện việc này.

Năm 2015 Trung tâm phát triển quỹ đất D cũng không có lập biên bản kiểm kê, kiểm đếm, UBND xã B cũng không có mời ông T1, bà M1 đi thực địa để phối hợp với cơ quan đo đạc lập bản đồ dự án và xác nhận kết quả đo đạc thửa đất và kê khai.

Như trường hợp thửa đất số 182/482m2 tờ bản đồ số 44, bà kê khai hết diện tích thửa đất trúng dự án, nhưng Trung tâm phát triển quỹ đất D1 quất lại lập biên bản kiểm kê chỉ có 98m2 và giả mạo luôn chữ ký của chồng bà là ông Ngô Minh S để ký xác nhận chỗ người sử dụng đất trong một số tài liệu, nhằm hợp thức hóa hồ sơ thu hồi 98m2, rồi lưu ở cơ quan chứ không có giao ra cho hộ gia đình bà ký, nếu giao ra như vậy gia đình bà sẽ không chấp nhận ký xác nhận. Một số tài liệu do cán bộ trung tâm phát triển quỹ đất D lập hồ sơ, giả mạo chữ ký của người sử dụng đất, ký xác nhận diện tích thu hồi, bồi thường 98m2 thuộc thửa 182/482m2 cụ thể như sau: Bản tự kê khai ngày 8/4/2015, Biên bản kiểm kê ngày 08/4/2015, trích lục bản đồ địa chính ngày 28/7/2015, đơn đề nghị xin thu hồi luôn phần diện tích thửa đất còn lại ngoài qui hoạch ngày 25/03/2015.

Do đó, ông Ngô Minh S yêu cầu bổ sung hủy các quyết định có tên ông Ngô Minh T1 nêu trên, để thực hiện lại cho đúng trình tự thủ tục là có cơ sở, nên bà thống nhất với yêu cầu của ông S.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ quan ông Ngô Minh T1, bà Phan Thị Lệ M1 trình bày:

Về trình tự, thủ tục để UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường nêu trên có tên ông Ngô Minh T1 (vợ Phan Thị Lệ M1), ông là người có tên trong các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường nêu trên, nhưng UBND huyện B không có ra thông báo thu hồi đất gửi đến ông, cũng không có mời ông phối hợp với cơ quan đo đạc bản đồ thửa đất trúng dự án trên thực địa, Trung tâm phát triển quỹ đất D cũng không có phát phiếu tự kê khai cho ông và không lập biên bản kiểm kê, kiểm đếm, không niêm yết công khai phương án bồi thường, UBND xã B cũng không có trích lục bản đồ địa chính thửa đất trúng dự án, cũng không có lập giấy xác nhận quyền sử dụng, để làm cơ sở cho việc thu hồi đất và bồi thường.

Việc kê khai là do mẹ ông, bà Lê Thị H kê khai cho ông hết diện tích thửa đất số 214/604m2 vào năm 2015 tại nhà ông Nguyễn Văn V, Xóm trưởng xóm A, thôn P, xã B, huyện B, nhưng không hiểu vì sao UBND huyện B ra quyết định thu hồi, bồi thường cho ông Ngô Minh T1 chỉ có 54m2 với giá trị 10.273.000 đồng, ông có ký nhận khoản tiền này vào ngày 7/4/2017 do Trung tâm P phát, số tiền này ông nhận để chi tiêu cá nhân, ông không đưa cho cha mẹ ông là ông S, bà H, ông cũng không nói với cha mẹ về việc nhận khoản tiền này, nên ông bà không biết là ông có nhận tiền, bây giờ ông bà mới biết.

Do đó, ông S yêu cầu bổ sung hủy các quyết định thu hồi đất, bồi thường nêu trên là quyền của ông, vì quyền sử dụng đất trên thửa số 214/604m2 là của ông S, thậm chí ông không biết thửa đất này trên thực địa ở vị trí nào, ông cũng

không có sử dụng đất, nên ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Ngô Minh S, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của ông S, ngoài ra ông không có ý kiến gì khác, không có yêu cầu độc lập.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ quan ông Ngô Minh Ấ, bà Tiêu Thị Trà M trình bày: Ông, bà thống nhất như yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh S.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tống Ngọc H1, Nguyễn L trình bày: Các thửa đất mà UBND xã B tại hồ sơ địa chính và ông Ngô Minh S khởi kiện không liên quan gì đến các ông, nên các ông không có ý kiến gì đối với nội dung khởi kiện của ông Ngô Minh S; đồng thời các ông từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi bản luận cứ bảo vệ cho người khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh S.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh S.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 35/2024/HC-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 11 và các Điều 62, 66, 69, 74, 75, 83 Luật Đất Đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Q Ban hành Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019); Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh S về việc yêu cầu Tòa án:

- Hủy quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện B, về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Ngô Minh S và bà Lê Thị H, ở xã B.

- Hủy Quyết định số 4375/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND huyện B, về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh S (vợ Lê Thị H) xã B, huyện B.

- Hủy quyết định thu hồi đất số 39/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Ngô Minh T1 ở xã B.

- Hủy quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND huyện B, về việc bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh T1 (vợ Phan Thị Lệ M1) xã B, huyện B.

- Buộc UBND huyện B phải thực hiện lập thủ tục hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông Ngô Minh S theo quy định pháp luật, đối với thửa Đồng Giá Dưới số thửa 182/482m2, thửa Công Điền số thửa 214/604m2 thuộc tờ bản đồ số 44, bản đồ 2007 xã B

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/8/2024, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Ngô Minh S (đơn đề ngày 23/8/2024); nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm:

Về tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, ông Ngô Minh Sơn là người khởi kiện có kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Toà án tiến hành xét xử vụ án. Thẩm phán chủ toạ và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện ông Ngô Minh S có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính. Nội dung kháng cáo của ông Ngô Minh S, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông.

[2] Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Về tính có căn cứ, hợp pháp của Quyết định thu hồi đất: số 1824/QĐ-UBND ngày 24/12/2015; số 39/QĐ-UBND ngày 29/3/2017

[2.1.1] Theo ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện B, người đại diện hợp pháp của UBND xã B:

Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44, diện tích 482m2, loại đất LUC do ông Ngô Minh S và bà Lê Thị H kê khai, thửa đất có nguồn gốc: Đất giao theo Nghị định 64/CP vào năm 1998.

Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44, diện tích 604m2, loại đất LUC do ông Ngô Minh T1 (cha là ông Ngô Minh S) kê khai, thửa đất có nguồn gốc giao theo Nghị định 64/CP vào năm 1998.

Thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1, ngày 24/12/2015, UBND huyện B ban hành quyết định số 1824/QĐ-UBND về thu hồi đất của hộ ông Ngô Minh S với diện tích 98m2, thuộc thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 02/7/2015); ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 về thu hồi đất của hộ ông Ngô Minh T1 với diện tích 54m2 thuộc thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 27/9/2016); diện tích thu hồi tại vị trí D, xã B

[2.1.2] Theo ông Ngô Minh S trình bày, ông có hai thửa đất có số thửa 182, tờ bản đồ số 44, xã B diện tích 482m2 trúng dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 nhưng UBND huyện B chỉ thu hồi, bồi thường cho hộ gia đình ông 98m2 và thửa đất số 214, diện tích 604m2, tờ bản đồ số 44, xã B trúng dự án đường dân sinh dọc theo biên dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 nhưng UBND huyện B không thu hồi đất của ông mà thu hồi của con ông là Ngô Minh T1 và chỉ thu hồi diện tích 54m2, bồi thường, hỗ trợ cho ông T1, không bồi thường, hỗ trợ cho ông.

Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện B thu hồi đất của hộ gia đình ông với tổng diện tích 98m2 tại thửa đất số 182 và thửa đất số 214 là không thu hồi diện tích đất của ông mà thu hồi của ông Ngô Minh T1 là không đúng đối tượng, không thu hồi hết diện tích đất của ông làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông.

[2.1.3] Xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trên cơ sở kết quả bồi thường ngoài mặt bằng Nhà máy L1 thì thửa đất số 182 (địa danh: Xứ Đồng Giá Dưới), tờ bản đồ số 44, xã B, diện tích 482m2 (bản đồ dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 được Sở T thẩm định ngày 20/7/2015)

đã kiểm kê, bồi thường ngoài Nhà máy Lọc dầu cho ông Ngô Minh S năm 1997, 1998 với diện tích 384m2 (thửa đất 279, tờ bản đồ số 4, bản đồ 299/TTg).

Thực hiện Chủ trương của UBND tỉnh Q tại Công văn số 5378/UBND-CNXD ngày 20/10/2015 về việc giải quyết đất nông nghiệp đã bồi thường ngoài nhà máy năm 1997, 1998, cho phép tính bồi thường, phần diện tích tăng sau khi khấu trừ phần diện tích đã bồi thường. Ngày 08/4/2015, ông Ngô Minh S tham gia kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 (vị trí 4) đối với thửa đất 182, diện tích 482m2, tờ bản đồ số 44; tại biên bản kiểm kê, ông Ngô Minh S, đại diện UBND xã B, Trung tâm phát triển quỹ đất D, các hộ dân có đất bị thu hồi đều xác nhận: thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44, có diện tích 482m2, diện tích bồi thường, hỗ trợ là 98m2 phần ghi chú: Đã đền bù 384m2.

Tại Bảng kết quả xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình ông Ngô Minh S do UBND xã B phối hợp cùng Trung tâm phát triển quỹ đất D, những người từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng và biết rõ căn nguyên, nguồn gốc của thửa đất lập ngày 28/7/2015; Giấy xác nhận về quyền sử dụng đất của UBND xã B ngày 28/7/2015 đều thể hiện: Đất nhận khoán, năm 1998 đền bù ngoài mặt bằng nhà máy L1 384m2; diện tích thực tế bị thu hồi, được tính bồi thường, hỗ trợ cho Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 là 98m2.

Đối với, thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44, xã B, theo kết quả kiểm kê hạng mục tuyến đường dân sinh số 4 thuộc tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 (vị trí 4) thì ông Ngô Minh T1 (con trai ông Ngô Minh S) là người kê khai tài sản là đất đai. Ngày 25/11/2016, bà Lê Thị H (vợ ông Ngô Minh S), ông Ngô Minh T1 cùng UBND xã B, Trung tâm phát triển quỹ đất D đã phối hợp xác nhận về nguồn gốc thửa đất, quá trình thu hồi, bồi thường như sau: Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44 diện tích 604m2 trúng dự án, phần diện tích chênh lệch so với bồi thường năm 1997 là bà Lê Thị H thống nhất để ông Ngô Minh T1 kê khai, nhận tiền bồi thường và tự cam kết không còn liên quan. Và tại bảng kết quả xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình ông Ngô Minh T1 do UBND xã B phối hợp cùng Trung tâm phát triển quỹ đất D, những người từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng và biết rõ căn nguyên, nguồn gốc của thửa đất lập ngày 28/11/2016; Giấy xác nhận về quyền sử dụng đất của UBND xã B ngày 28/11/2016 đều thể hiện: Đất giao theo Nghị định 64/CP cho ông Ngô Minh S. Năm 1998 đã đền bù dự án Nhà máy L1 diện tích 550m2. Sau đó, ông S để lại cho con là Ngô Minh T1 sử dụng ổn định đến nay; diện tích thực tế bị thu hồi, được tính bồi thường, hỗ trợ cho Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 là 54m2.

Mặt khác, để quản lý chặt chẽ diện tích đất đã bồi thường, phòng ngừa cấp GCNQSD đất, giải quyết bồi thường hỗ trợ trùng lắp lên diện tích đã bồi thường. Ngày 31/3/2009, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra làm rõ diện tích đất nằm ngoài mặt bằng Nhà máy L1 đã giải quyết bồi thường cho các hộ dân di dời tái định cư tại xã B để rà soát, chồng ghép số hóa bản đồ 299/TTg xác định các thửa đất đã được bồi thường, hỗ trợ vào thời điểm năm 1997, 1998 để khấu trừ diện tích đã được bồi thường. Tại Báo cáo số 2550/BC-STNMT ngày 14/10/2015 của Sở T tỉnh và B kê các trường hợp hộ đã đền bù năm 1998 vừa có thửa đất chênh lệch dương (+) diện tích, vừa có thửa đất chênh lệch dương âm (-) diện tích kèm theo Công văn số 1101/BQL-PTQĐ ngày 28/9/2015 của Ban Q1 thể hiện:

Thửa đất 182, tờ bản đồ 44, tại mục "Thông tin đền bù ngoài mặt bằng Nhà máy lọc dầu năm 1998 (theo bảng thống kê của Sở TNMT và hồ sơ bồi thường cũ do TTPT quỹ đất B và Ban QL Nhà máy lọc dầu cung cấp), tên chủ hộ được đền bù: Ngô Minh S (vợ Lê Thị H); theo bản đồ 299 là thửa 279, tờ bản đồ số 4, diện tích 956m2; theo bản đồ 2015 (Bản đồ phục vụ kiểm kê dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu) là thửa 182, tờ bản đồ 44, diện tích 482m2, loại đất LUC, diện tích đền bù là 384m2, phần diện tích chênh lệch giữa bản đồ năm 2015 với diện tích đã đền bù năm 1998 là 98m2.

Thửa đất 214, tờ bản đồ 44, tại mục "Thông tin đền bù ngoài mặt bằng Nhà máy lọc dầu năm 1998 (theo bảng thống kê của Sở T2 và hồ sơ bồi thường cũ do TTPT quỹ đất B và Ban QL Nhà máy lọc dầu cung cấp), tên chủ hộ được đền bù: Ngô Minh S; theo bản đồ 299 là thửa 451, tờ bản đồ số 4; theo bản đồ 2015 (Bản đồ phục vụ kiểm kê dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu) là thửa 214, tờ bản đồ 44, diện tích 604m2, loại đất LUC, diện tích đền bù là 550m2; phần diện tích chênh lệch giữa bản đồ năm 2015 với diện tích đã đền bù năm 1998 là 54m2.

Từ những căn cứ nêu trên nhận thấy: Tại thời điểm thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 vào năm 2015, diện tích thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44 chưa được thu hồi, bồi thường, hỗ trợ là 98m2; diện tích thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44 chưa được thu hồi, bồi thường, hỗ trợ là 54m2.

Do đó, ngày 24/12/2015, UBND huyện B ban hành quyết định số 1824/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Ngô Minh S với diện tích 98m2 tại thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44 và ngày 29/3/2017, UBND huyện B ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND thu hồi đất của hộ ông Ngô Minh T1 với diện tích 54m2 tại thửa đất số 214, tờ bản đồ số 44, xã B, loại đất LUC là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, đúng chủ sử dụng đất tại thời điểm thu hồi.

[2.2] Về tính có căn cứ, hợp pháp của Quyết định bồi thường, hỗ trợ: số 4375/QĐ-UBND ngày 30/12/2015, số 436/QĐ-UBND ngày 13/4/2017

Ngày 24/12/2015, UBND huyện B ban hành quyết định số 3241/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng Dự án: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 (vị trí 4), xã B Ngày 30/12/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định số 4375/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Ngô Minh S (vợ Lê Thị H) với tổng số tiền là 12.936.000 đồng. Trong đó: bồi thường về đất là 12.544.000 đồng, bồi thường về cây cối hoa màu 392.000 đồng.

Ngày 29/3/2017, UBND huyện B ban hành quyết định số 496/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng (đợt 2) hạng mục Đường dân sinh vị trí 4 thuộc tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ Dự án: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1, xã B Ngày 13/4/2017, UBND huyện B ban hành Quyết định số 436/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Ngô Minh T1 (vợ Phan Thị Lệ M1) với tổng số tiền là 10.273.000 đồng. Trong đó: bồi thường về đất là 6.912.000 đồng, bồi thường về cây cối hoa màu 2.416.000 đồng; các khoản hỗ trợ 945.000 đồng. Xét các nội dung bồi thường, hỗ trợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hộ ông Ngô Minh S bị thu hồi 98m2, loại đất trồng lúa nước (LUC) nên UBND huyện B bồi thường về đất có đơn giá 32.000đồng/m², vị trí 1, hệ số điều chỉnh 1,0 với số tiền 3.136.000 đồng; hộ ông Ngô Minh T1 bị thu hồi 54m2, loại đất trồng lúa nước (LUC) nên UBND huyện B bồi thường về đất có đơn giá 32.000đồng/m2, vị trí 1, hệ số điều chỉnh 1,0 với số tiền 1.728.000 đồng là đúng với quy định tại Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Q Ban hành Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015 - 2019).

Mặt khác, theo quy định tại Điều 23 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Q, khi thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình thì mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và đào tạo việc làm bằng 3,0 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh. Vì vậy, UBND huyện B hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho hộ ông Ngô Minh S với số tiền là 9.408.000 đồng; cho ông Ngô Minh T1 với số tiền 5.184.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiếu chi lập ngày 13/01/2016 và biên bản chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và GPMB dự án: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 (vị trí 4, xã B) ngày 13/01/2016 (Bút lục số 109) thể hiện bà Lê Thị H (vợ ông Ngô Minh S) đã nhận

đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ là 12.936.000 đồng và không có ý kiến gì. Và tại phiếu chi và biên bản chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và GPMB dự án: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 (vị trí 4, xã B) cùng ngày 07/4/2017 (bút lục số 94, 93) thể hiện ông Ngô Minh T1 đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ là 10.273.000 đồng và không có ý kiến gì.

Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh S của UBND huyện B tại quyết định số 4375/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; cho hộ ông Ngô Minh T1 tại quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 là có căn cứ, đúng theo quy định tại Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Q Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Q Ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015 - 2019).

[3] Xét yêu cầu buộc UBND huyện B phải thực hiện trình tự, thủ tục lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo quy định của pháp luật về đất đai đối với 02 thửa đất: Đồng Giá Dưới số thửa 182/482m2, tờ bản đồ số 44; Công Điền số thửa 214/604m2, tờ bản đồ số 44, bản đồ năm 2007 (chỉnh lý năm 2015), Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Như đã phân tích và nhận định ở phần trên; thửa đất 182, tờ bản đồ số 44, diện tích 482m2 (bản đồ trích sao, chỉnh lý năm 2015), vào năm 1998 đã đền bù ngoài mặt bằng Nhà máy L1 là 384m2, diện tích thu hồi cho Dự án là 98m2.

Do đó, khi thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1; UBND huyện B đã ban hành quyết định số 1824/QĐ-UBND về việc thu hồi đất còn lại của hộ ông Ngô Minh S với diện tích 98m2, tại thửa đất số 182, tờ bản đồ số 44 là đảm bảo quyền lợi cho ông Ngô Minh S. Ông Ngô Minh S yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện B phải thực hiện trình tự, thủ tục lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông theo quy định của pháp luật về đất đai đối với thửa đất Đồng Giá Dưới số thửa 182/482m2, tờ bản đồ số 44 là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Thửa đất 214, tờ bản đồ 44, tại thời điểm lập thủ tục thu hồi, bồi thường để thực hiện hạng mục Đường dân sinh vị trí 4 thuộc tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ Dự án: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1, xã B, UBND xã B, T phát triển quỹ đất Dung Q cùng với bà Lê Thị H, ông Ngô Minh T1 đã xác định thông tin so với hồ sơ kiểm kê: Thông tin đền bù ngoài mặt bằng Nhà máy lọc dầu năm 1998 (theo bảng thống kê của Sở TNMT và hồ sơ bồi thường cũ do TTPT quỹ đất B và Ban QL Nhà máy lọc dầu cung cấp), tên chủ hộ được đền bù: Ngô Minh S; theo bản đồ 299 là thửa 451, tờ bản đồ số 4; theo bản đồ 2015 (Bản đồ phục vụ kiểm kê dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu) là thửa

đất số 214, tờ bản đồ 44, diện tích 604m2, loại đất LUC, diện tích đã đền bù vào năm 1997, 1998 là 550m2; phần diện tích chênh lệch giữa bản đồ năm 2015 với diện tích đã đền bù năm 1998 là 54m2. Cũng tại biên bản làm việc ngày 25/11/2016, bà Lê Thị H xác nhận để lại thửa đất này cho ông Ngô Minh T1 kê khai, nhận tiền bồi thường; tại Bảng kết quả xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình ông Ngô Minh T1 do UBND xã B phối hợp cùng Trung tâm phát triển quỹ đất D, những người từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng và biết rõ căn nguyên, nguồn gốc của thửa đất lập ngày 28/11/2016; Giấy xác nhận về quyền sử dụng đất của UBND xã B ngày 28/11/2016 đều thể hiện: Đất giao theo Nghị định 64/CP cho ông Ngô Minh S. Năm 1998 đã đền bù dự án Nhà máy L1 diện tích 550m2. Sau đó, ông S để lại cho con là Ngô Minh T1 sử dụng ổn định đến nay; diện tích thực tế bị thu hồi, được tính bồi thường, hỗ trợ cho Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy L1 là 54m2. Ông T1 nhận tiền bồi thường vào ngày 07/4/2017 không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại; việc ông T1 nhận tiền bà H là vợ ông Ngô Minh S cũng không thắc mắc gì.

Do đó, ông Ngô Minh S yêu cầu buộc UBND huyện B phải thực hiện trình tự, thủ tục lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông theo quy định của pháp luật về đất đai đối với thửa đất Công Điền số thửa 214/604m2, tờ bản đồ số 44, bản đồ năm 2007 (chỉnh lý năm 2015) là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở, kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm hành chính: Tuy kháng cáo của ông Ngô Minh S không được Hội đồng xét xử chấp nhận nhưng ông Ngô Minh S là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Ngô Minh S, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206, khoản 1 Điều

348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 11 và các Điều 62, 66, 69, 74, 75, 83 Luật Đất Đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Q Ban hành Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019); Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh S về việc yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện B, về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Ngô Minh S và bà Lê Thị H, ở xã B.

- Hủy Quyết định số 4375/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND huyện B, về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh S (vợ Lê Thị H) xã B, huyện B.

- Hủy Quyết định thu hồi đất số 39/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Ngô Minh T1 ở xã B.

- Hủy Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND huyện B, về việc bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Ngô Minh T1 (vợ Phan Thị Lệ M1) xã B, huyện B.

- Buộc UBND huyện B phải thực hiện lập thủ tục hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông Ngô Minh S theo quy định pháp luật, đối với thửa Đồng Giá Dưới số thửa 182/482m2, thửa Công Điền số thửa 214/604m2 thuộc tờ bản đồ số 44, bản đồ 2007 xã B

2. Về án phí: Ông Ngô Minh S là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cường